

Số: 540 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang, thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 99/TTr-SCT ngày 17 tháng 01 năm 2013 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 -2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025, gồm một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là mục tiêu và động lực để phát triển nhanh và bền vững các ngành công nghiệp chính của tỉnh.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ song song với các ngành công nghiệp chính, phải phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và các quy hoạch



ngành khác liên quan.

- Có chính sách phù hợp để thu hút khoa học, công nghệ và các nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế huy động vốn tham gia đầu tư phát triển sản xuất CNHT, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia và hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong giai đoạn đầu tập trung vào phát triển hệ thống các doanh nghiệp FDI, lâu dài là hệ thống doanh nghiệp tư nhân.

- Thực hiện phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; có các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Ưu tiên phát triển CNHT để cải thiện năng lực công nghiệp và khả năng cạnh tranh. Dự kiến đến năm 2025 sẽ hoàn thành 3 mục tiêu:

- Thu hút lớn nhất vốn đầu tư nước ngoài vào sản xuất CNHT, thông qua các chính sách ưu đãi, khuyến khích.

- Phát triển năng lực cung ứng của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và bắt đầu xuất khẩu sản phẩm CNHT của một số ngành công nghiệp.

2.1.1. Giai đoạn 2011–2015, xây dựng nhận thức chung và hình thành năng lực.

- Xây dựng nhận thức chung về sản xuất CNHT;

- Tập trung phát triển năng lực cung ứng CNHT ở thị trường trong tỉnh và thu hút các doanh nghiệp FDI;

- Xây dựng các khung chính sách tạo điều kiện thu hút đầu tư vào CNHT như các văn bản pháp lý liên quan đến thuế, cơ chế hợp đồng, tiêu chuẩn sản phẩm, linh kiện;

- Xây dựng hạ tầng để phát triển CNHT như các khu CNHT dành cho doanh nghiệp FDI với các ưu đãi đầu tư mạnh nhất, hình thành các vườn ươm doanh nghiệp CNHT và đánh giá khả năng phát triển các cụm liên kết ngành.

2.1.2. Giai đoạn 2016 – 2020, xây dựng năng lực cung ứng nội địa.

- Tiếp tục mở rộng năng lực cung ứng của các doanh nghiệp trong tỉnh ra toàn vùng, nhận chuyển giao từ các doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp nội địa với việc tập trung vào các chương trình hỗ trợ liên kết mạnh với các đối tác cụ thể của cả phía doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Bắt đầu phát triển CNHT công nghệ cao cho một số ngành điện, điện tử, tin học.

- Trong giai đoạn này, danh mục sản phẩm hỗ trợ nội địa hóa được công bố cùng với các ưu đãi về thuế, đất đai, thị trường..., để các doanh nghiệp nội địa

và FDI đầu tư.

2.1.3. Giai đoạn 2021 – 2025, xây dựng năng lực cung ứng quốc tế.

- Xác định được khả năng tham gia của tỉnh vào mạng lưới sản xuất quốc tế, dựa trên năng lực cung ứng cho các tập đoàn đa quốc gia.

- Đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và bắt đầu xuất khẩu sản phẩm hỗ trợ của một số ngành cơ khí chế tạo.

- Tập trung thị trường xuất khẩu với các sản phẩm hỗ trợ có giá trị cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2011 - 2015

Tập trung thu hút đầu tư CNHT vào các lĩnh vực chế biến nông - thủy sản và sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD), tốc độ tăng trưởng về sản lượng ngành CNHT ước đạt 30%/năm, đưa Kiên Giang thành tỉnh có thế mạnh về công nghiệp cơ bản.

- Giai đoạn 2016 - 2020

Tốc độ tăng trưởng sản lượng ngành CNHT phấn đấu đạt ổn định 20%/năm, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT ngành điện tử, tỷ trọng CNHT ngành cơ khí chế tạo sẽ giảm xuống.

- Giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng sản lượng CNHT ở mức ổn định, khoảng 18%/năm, tốc độ tăng trưởng của ngành CNHT sẽ nhanh hơn tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp, đưa tỉnh Kiên Giang đạt chỉ tiêu công nghiệp hóa về GDP/đầu người vào khoảng năm 2020.

3. Định hướng phát triển

3.1. Định hướng chung

- Phát triển ngành CNHT gắn liền với các chiến lược phát triển chung của cả nước, với định hướng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); tận dụng những tiềm năng sẵn có làm tiền đề để phát triển các ngành phục vụ thị trường trong tỉnh, ngoài tỉnh; chú trọng các nguồn đầu tư nước ngoài để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

- Phát triển các ngành CNHT song song với các ngành công nghiệp chính theo hướng hiện đại hóa, tăng dần hàm lượng công nghệ theo từng giai đoạn; tiếp tục duy trì những thị trường truyền thống, tăng cường tìm hướng mở rộng những thị trường mới, đa dạng hóa các loại mặt hàng, chất lượng sản phẩm và giá thành cạnh tranh.

- Tiếp tục hoàn thiện và hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung của tỉnh để thực hiện di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất CNHT vào để ổn định sản xuất và hạn chế ô nhiễm môi trường, hạn chế ảnh hưởng đến các khu vực dân cư tập trung; nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật với các nước đã phát triển về CNHT; xây dựng và thiết lập cơ chế,

chính sách quản lý phù hợp.

3.2. Định hướng cụ thể

3.2.1. CNHT chế biến nông - lâm - thủy sản

- Phát triển các sản phẩm tập trung về chế biến sâu, công nghệ mới để đón đầu nhu cầu thị trường. Các sản phẩm chế biến sâu có thể kể đến là chế biến gỗ, tinh bột, sản xuất bột gỗ phục vụ ngành vật liệu xây dựng.

- Kế thừa sự phát triển mạnh mẽ của ngành chế biến nông - lâm - thủy sản, ngành CNHT cho ngành này sẽ được tập trung phát triển ngay giai đoạn đầu 2011-2015; giai đoạn 2016-2020 đạt trạng thái ổn định để tiến tới xuất sản phẩm ở giai đoạn 2021-2025.

3.2.2. CNHT sản xuất vật liệu xây dựng

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh kết hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo cảnh quan môi trường.

- Đầu tư chiều sâu và nâng cao công suất các cơ sở sản xuất hiện có bằng việc cải tiến máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, đảm bảo sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng cao, giá thành hạ để tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong quá trình hội nhập.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng trên cơ sở đa dạng hoá sản phẩm như sản xuất tấm lợp, các thiết bị trang trí nội thất..., để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang ở mức ổn định, ngành CNHT cho ngành này sẽ được tập trung phát triển giai đoạn 2011-2015; phát triển mạnh giai đoạn 2016-2020, ở giai đoạn 2021- 2025 đạt trạng thái ổn định tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

3.2.3. CNHT cơ khí chế tạo, đóng và sửa chữa tàu thuyền

- Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, hiện đại hoá một số khâu then chốt trong chế tạo, chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu, đặc biệt là các loại tàu có trọng tải lớn.

- Tăng khả năng chế tạo các dây chuyền thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ cho công nghiệp chế biến; nông cụ và máy nông nghiệp; các loại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ; phương tiện vận tải, máy công cụ, máy xây dựng, cơ khí tiêu dùng.

- Phát triển một số lĩnh vực hiện đại như cơ điện tử, từng bước đưa ngành công nghiệp cơ khí trở thành ngành công nghiệp mạnh của tỉnh, theo định hướng sẽ đáp ứng 25% nhu cầu chế tạo máy móc thiết bị cho nền kinh tế của tỉnh.

- Ngành cơ khí chế tạo, đóng và sửa chữa tàu thuyền chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường trong tỉnh. Vì vậy, CNHT cho ngành này cần đi trước là tiền đề thu hút đầu tư phát triển cho ngành công nghiệp chính. Ngành CNHT cho ngành này sẽ được tập trung phát triển ngay giai đoạn đầu 2011-2015; giai đoạn

2016-2020 đạt trạng thái ổn định để tiến tới xuất khẩu sản phẩm ở giai đoạn 2021-2025.

3.2.4. CNHT điện, điện tử

- Hiện trạng phát triển của ngành công nghiệp chính tuy đã xuất hiện nhưng còn nhỏ lẻ. Là ngành có hàm lượng công nghệ cao, nên chủ yếu là nguồn đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài; tranh thủ cơ hội thu hút đầu tư, doanh nghiệp trong nước cần chủ động đào tạo nguồn nhân lực, sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Dự kiến ngành CNHT điện, điện tử bắt đầu phát triển tăng tốc giai đoạn 2016 - 2020, và phát triển mạnh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Áp dụng các chính sách ưu đãi về đất đai (*miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...*), ưu đãi về thuế (*thuế xuất, nhập khẩu, thuế TNDN...*), chính sách tín dụng, chính sách về ưu đãi đầu tư..., theo Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “*Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực CNHT*”; Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành CNHT và một số quy định hiện hành khác.

4.2. Giải pháp về thu hút đầu tư, nguồn vốn thực hiện

- Chú trọng vào việc thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời có chiến lược thu hút đầu tư, hỗ trợ sản xuất và thúc đẩy liên kết cho các doanh nghiệp nội địa. Trong đó, hàng năm tỉnh cần dành nguồn ngân sách cho xúc tiến đầu tư; hỗ trợ hình thành hệ thống doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa, các chương trình khởi sự doanh nghiệp, hỗ trợ vốn, nhân lực.

- Bổ sung và hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường, phát triển mạnh hệ thống tiếp thị, phát triển thương mại, xúc tiến đầu tư quốc tế; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động phát triển thị trường; tổ chức và hỗ trợ thành lập các trung tâm tiếp thị tìm kiếm thị trường tiêu thụ và làm cầu nối giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa.

- Tăng cường công tác thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất hỗ trợ để làm cơ sở cho giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết, để phát huy hệ thống công nghiệp hỗ trợ; trợ giúp về ngân sách ban đầu cho việc thành lập và hoạt động website chuyên ngành CNHT trong tỉnh để hỗ trợ việc xúc tiến đầu tư.

- Kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp (*trong nước và FDI*), trong đó tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút vốn FDI từ các nước có ngành CNHT phát triển. Đồng thời, xem xét bố trí ngân sách, để đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư hạ tầng triển khai dự án đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư;

- Xây dựng các cơ chế hoạt động của các tổ chức tài chính để các doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn vay dài hạn cho đầu tư phát triển; thành lập mới, duy trì, phát triển một số quỹ mang tính chất hỗ trợ phát triển công nghiệp như quỹ khuyến công, quỹ hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, quỹ đầu tư mạo hiểm..., để thu hút mọi nguồn vốn đầu tư và phát triển CNHT;

- Ưu đãi đặc biệt cho các dự án có vốn FDI chuyển giao công nghệ cao, công nghệ nền bằng các hình thức hỗ trợ vay vốn đầu tư ưu đãi để mua công nghệ; sử dụng vốn ODA của một số quốc gia phát triển để hỗ trợ đào tạo lao động, xây dựng thể chế pháp lý và các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp vừa và nhỏ, chương trình hợp tác với các công ty đa quốc gia đầu tư trực tiếp vào tỉnh Kiên Giang.

- Dự kiến tổng mức vốn đầu tư phát triển ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011-2025 là 6.600 tỷ đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có của các doanh nghiệp: 35%, tương đương 2.310 tỷ đồng. Phân bổ cho giai đoạn 2011-2015 là 222,3 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 là 981,8 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2025 là 1.106 tỷ đồng.

+ Các doanh nghiệp vay ngân hàng: 20%, tương đương 1.320 tỷ đồng. Phân bổ cho giai đoạn 2011-2015 là 127 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 là 561 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2025 là 632 tỷ đồng.

+ Vốn xã hội hóa huy động từ các nguồn khác nhau (trái phiếu, cổ phiếu...): 45%, tương đương 2.970 tỷ đồng. Phân bổ cho giai đoạn 2011-2015 là 285,8 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 là 1.262,3 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2025 là 1.422 tỷ đồng.

4.3. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo công nhân kỹ thuật cho các chuyên ngành CNHT, trong đó chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho các trường công nhân kỹ thuật, trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đi đôi với việc đổi mới chương trình và nội dung đào tạo cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngành CNHT.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ công nhân, kỹ sư hiện có thông qua chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp thuộc các ngành CNHT mũi nhọn của tỉnh như: Ngành cơ khí, điện, điện tử..., trong đó có sự hỗ trợ một phần kinh phí của tỉnh.

- Hỗ trợ một phần kinh phí để tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực như: Quản lý doanh nghiệp, quản lý sản xuất, tài chính, đặc biệt là các hệ thống tiêu chuẩn sản xuất. Tổ chức, tập huấn cho các cán bộ quản lý nhà nước về CNHT, chính sách, chiến lược phát triển CNHT của tỉnh và Trung ương cũng như các kỹ năng, phương pháp hỗ trợ doanh nghiệp.

4.4. Các giải pháp về khoa học, công nghệ

- Đầu tư đổi mới công nghệ theo phương thức hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất, đặc biệt các công đoạn có tính quyết định

đến chất lượng sản phẩm; áp dụng công nghệ phù hợp với từng giai đoạn phát triển, kiên quyết không nhập khẩu công nghệ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ đối tác nước ngoài cho phát triển CNHT.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ công nghệ, xây dựng thị trường công nghệ, hình thành một số trung tâm chuyên giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm (ISO) theo chuẩn quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp FDI có các dự án chuyển giao công nghệ.

4.5. Giải pháp về thông tin, thị trường, liên kết

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn trên phạm vi cả nước để xác định nhu cầu nội địa hóa của các doanh nghiệp này, từ đó kêu gọi các doanh nghiệp cung ứng nước ngoài và trong nước đầu tư; tổ chức các chương trình xúc tiến, hội chợ, triển lãm về các ngành công nghiệp chế tạo và hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các hoạt động này;

- Thành lập một cơ quan đầu mối hướng dẫn các doanh nghiệp CNHT về các thủ tục như: Đăng ký đầu tư, giải đáp thông tin cho doanh nghiệp, kết nối nhà lắp ráp, nhà cung ứng, nhà cung cấp nguyên liệu; hỗ trợ về công nghệ kỹ thuật, mua máy móc thiết bị, hỗ trợ thủ tục tài chính...; củng cố, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành để nâng cao khả năng kết nối giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa trong việc phát triển CNHT.

- Tổ chức mới và củng cố hoạt động của một số tổ chức nghiên cứu chuyên sâu để làm cầu nối giữa nghiên cứu, thiết kế, ứng dụng; giữa các công đoạn sản xuất với nhau; xây dựng các chính sách riêng để phát triển ngành, quản lý phân vốn ngân sách hỗ trợ phát triển ngành; xây dựng một số chương trình phát triển CNHT trung và ngắn hạn nhằm tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, hỗ trợ đầu tư và liên kết phát triển ngành sản xuất hỗ trợ phục vụ sản xuất.

4.6. Nhóm các giải pháp liên quan đến hạ tầng cơ sở

- Các dự án CNHT sẽ được bố trí tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung đa ngành. Các dự án CNHT này sẽ được ưu tiên và được ưu đãi về các dịch vụ công với mức hấp dẫn cao; phát triển quỹ đất đặc thù cho CNHT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các đặc thù riêng. Nơi các doanh nghiệp sản xuất CNHT được hưởng các ưu đãi và được hỗ trợ nhiều hơn ngay từ giai đoạn đầu.

- Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hạ tầng giao thông như các bến cảng, sân bay, đường sắt, đường bộ, giao thông đô thị; hình thành các kho, điểm tập trung hàng hoá để gia tăng điều kiện hỗ trợ phát triển. Đổi mới và hoàn thiện cơ

ché, chính sách xuất nhập khẩu, thủ tục thông quan hàng hoá, thúc đẩy các công ty đa quốc gia đầu tư phát triển các sản phẩm xuất khẩu.

- Xây dựng mới và đầu tư chiều sâu năng lực hoạt động của một số tổ chức, cơ quan đang hoạt động trong lĩnh vực phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển CNHT. Đổi mới hoạt động của các cơ quan này để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan này kể cả về cơ chế, chức năng hoạt động, đào tạo con người, cơ sở vật chất.

4.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn và khu vực triển khai dự án; xây dựng cơ chế phối hợp trong các đơn vị quản lý và các doanh nghiệp thực hiện các nội dung quy hoạch; đảm bảo công tác tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường phân công, phân cấp công tác quản lý môi trường cho các đơn vị cơ sở.

- Các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và được giám sát môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện. Nội dung kỹ thuật của dự án phải gắn kết với nội dung bảo vệ môi trường; thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải, rác thải, đặc biệt các chất thải có tính chất độc hại, chất thải rắn và chất thải lỏng được xử lý triệt để.

- Các phương án phòng ngừa cấp bách phải được đặt ra ngay từ đầu và cụ thể ứng phó trong từng trường hợp có thể xảy ra để hạn chế thấp nhất đối với môi trường tự nhiên; công tác giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với môi trường phải được tiến hành thường xuyên liên tục; kết hợp giữa triển khai thực hiện dự án với các công cụ quan trắc môi trường tại các khu vực nhạy cảm nhằm mục đích phát hiện và khắc phục ô nhiễm cục bộ tại các khu vực.

Điều 2. Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch

1. Sở Công Thương

- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện các nội dung quy hoạch phát triển CNHT; xây dựng chương trình phát triển CNHT, trong chương trình phát triển công nghiệp của tỉnh; phối hợp với cơ quan liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt nguồn ngân sách cho các hoạt động liên quan đến CNHT.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch, theo dõi, báo cáo và đề xuất kịp thời cho Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp về điều hành thực hiện quy hoạch bảo đảm yêu cầu phát triển CNHT; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện quy hoạch và công tác quản lý nhà nước về sản xuất CNHT.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất CNHT trong việc cung cấp thông tin thị trường, tìm kiếm và mở rộng thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu; thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động phát triển của ngành CNHT trên địa bàn tỉnh để báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cơ chế, chính sách và khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, góp phần đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đúng theo tiến độ và thời gian quy định;

- Cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các cơ sở sản xuất CNHT; đồng thời cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đề xuất các cơ chế chính sách thu hút đầu tư.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với cơ quan liên quan bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước Trung ương, địa phương cho công tác lập quy hoạch tổng thể, lập quy hoạch chi tiết cũng như đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đúng theo tiến độ và thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương và địa phương cho công tác đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cân đối nguồn kinh phí để bố trí đầu tư trong và ngoài hàng rào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp từ nguồn hỗ trợ của Trung ương và địa phương theo đúng tiến độ và thời gian tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch.

4. Các sở, ban ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành CNHT thuộc trách nhiệm của đơn vị mình; đồng thời phối hợp với Sở Công Thương để xử lý các vấn đề liên quan theo đề xuất của Sở Công Thương.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển CNHT trong quy hoạch, tiến hành cụ thể hóa và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng trên địa bàn. Đưa các nội dung triển khai quy hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm của địa phương.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở sản xuất CNHT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn như: Chỉ đạo các phòng chuyên môn trong việc thực hiện chức năng đầu mối, tham mưu giúp UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các ngành nghề CNHT; tham gia xây dựng quy hoạch phát triển CNHT trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / N^o

Nơi nhận:

- Điều 3 QĐ;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nhsuong.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thi